

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1184/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiên Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 497/2020/TLST–HNGĐ ngày 09/06/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/10/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Đỗ VA, sinh năm: 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số A đường Đại Lộ III, tổ 12, khu phố B, phường PB, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần MT, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 226/11/1C đường số 8, khu phố A, phường LX, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Đỗ VA trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần MT tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2015, quyển số 01/2015 do UBND phường Phước Bình, Quận 9 cấp ngày 24/09/2015. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng vào thời điểm tháng 01/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Thuận nghiện ma túy, vợ chồng và hai bên gia đình cũng khuyên nhủ nhưng không khắc phục được nên đã sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay, trong thời gian ly thân hai bên cũng tạo điều kiện đoàn tụ nhưng ông Thuận vẫn không thay đổi. Tại Tòa án bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, nên bà kiên quyết ly hôn với ông Trần MT.

- Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Bà Trần Đỗ VA tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vì lý do bận công việc làm ăn, điều kiện đi lại quá xa nên bà xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

* Tại bản tự khai ngày 21/09/2020 bị đơn ông Trần MT trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Đỗ VA tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013, có tổ chức đám cưới. Sau kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hiểu nhau, vì không thể khắc phục được nên năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, cả hai đều không có ý muốn đoàn tụ. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà Trần Đỗ VA.

- Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Ông Trần MT tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trần MT có đơn xin giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án,

- Căn cứ theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức thì: “Ông Trần MT, sinh năm: 1992 có thường trú tại địa chỉ: 226/11/1C đường số A, khu phố 3, phường LX, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện đang chấp hành áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc”

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Trần Đỗ VA, bị đơn ông Trần MT có đơn xin xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức thì bị đơn Trần MT thường trú tại địa chỉ: 226/11/1C đường số 8, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành

phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn Trần Đỗ VA, bị đơn ông Trần MT có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Đỗ VA và ông Trần MT tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/09/2015. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng của bà Trần Đỗ VA và ông Trần MT ban đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân đã hơn mấy năm nay, hiện ông Trần MT đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bà Trần Đỗ VA yêu cầu ly hôn ông Trần MT đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được.

Xét tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Đỗ VA và ông Trần MT đã thực sự không còn, cả hai đã sống ly thân và đều không có ý muốn đoàn tụ nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Đỗ VA

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Đỗ VA và ông Trần MT.

1.2 Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Đỗ VA phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí số AA/2019/0057191 ngày 09/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Trần Đỗ VA đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang

